TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN LÃNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HS-ST
Ngày 19-5-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN LÃNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Triệu Thị Máy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sài;

Ông Trịnh Văn Trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Sơn Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Hoàng Văn Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Bế Ngọc T, tên gọi khác: Không có; sinh ngày 29 tháng 12 năm 1986, tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã Y, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bế Văn S và bà Nông Thị L (đã chết); có vợ: Lý Thị N, sinh năm 1994 và có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ ngày 19/8/2020, tạm giam từ ngày 21/8/2020 đến nay. Có mặt.

2. Nông Thúy N, tên gọi khác: Không có; sinh ngày 22 tháng 11 năm 1980, tại thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 1*, đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở: Số *, ngõ *, L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn T và bà Phạm Thị Đ; có chồng: Hà Văn Đ, có 01 con sinh

năm 2006; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý kỷ luật; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/8/2020 đến nay. Có mặt.

- *Người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Nông Tiến Đ, sinh năm 1993; trú tại: Số 1*, đường B, thôn Đ, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

2. Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1970; trú tại: Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Chị Lò Thị Đ, sinh năm 1995, chị Lò Thị T, sinh năm 1998, chị Lù Thị T, sinh năm 1994, chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986, bà Vi Thị C, sinh năm 1960, chị Lô Thị L, sinh năm 1992. Đều vắng mặt.

- *Người chứng kiến:* Anh Trần Hữu Q. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 18/8/2020, tổ công tác Đồn Biên phòng Tân Thanh phối hợp với phòng chống ma túy và tội phạm, Bộ chỉ huy Biên phòng tỉnh Lạng Sơn, đang làm nhiệm vụ tại đường mòn biên giới, mốc 1*-1*, thuộc thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, phát hiện xe ô tô biển kiểm soát 12A-1*4 màu trắng, đang đi từ hướng nội địa lên biên giới, có biểu hiện nghi vấn, tổ công tác đã yêu cầu dừng xe để kiểm tra. Qua kiểm tra lái xe là Nông Thúy N và tự khai đang điều khiển xe ô tô đưa 06 khách từ thành phố L lên cửa khẩu T giao cho một người đàn ông, N (không rõ tên tuổi, địa chỉ), chỉ biết số điện thoại 0397.*1, còn người đàn ông trên đưa đi đâu N không rõ. Tổ công tác đã đưa Nông Thúy N cùng những người có mặt trên xe về trụ sở Ủy ban nhân dân xã T, huyện V để làm rõ. Tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã T, Nông Thúy N khai nhận được một người đàn ông quen qua Wechat (không rõ tên tuổi, địa chỉ) gọi điện đón 06 người phụ nữ Việt Nam, từ bến xe p, thành phố L lên cửa khẩu T để giao cho một người ông (không rõ, tên, tuổi, địa chỉ) có số điện thoại 0397.*1, N đồng ý, sau khi đón được khách, N đã thu mỗi người 100.000 (một trăm nghìn) đồng. Tổ công tác đã tiến hành kiểm tra 06 khách trên xe ô tô gồm: Lò Thị T, Lò Thị Đ, Nguyễn Minh T, Lù Thị T, Vi Thị C, tất cả đều khai nhận được Nông Thúy N (số thuê bao 0354.*0) đưa lên cửa khẩu T mục đích để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, khi đang trên đường đi thì bị lực lượng Biên phòng phát hiện đưa về trụ sở Ủy ban nhân dân xã T để làm rõ.

Tạm giữ của Nông Thúy N gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone, màu đen - xám, màn hình bị vỡ, đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 sim Vinaphone số thuê bao 0836.*2; 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA màu xanh, số thuê bao 0359.*0; 01 giấy phép lái xe hạng B2, mang tên Nông Thúy N; 01 giấy biên nhận giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đang thế chấp của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng, Chi nhánh Lạng Sơn; 01 giấy

chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô; 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô đều mang tên Nông Tiến Đ; 01 xe ô tô biển kiểm soát 12A-1*4, nhãn hiệu HUYDAI.

Ngày 19/8/2020 Bế Ngọc T đến Đồn Biên phòng Tân Thanh đầu thú, tạm giữ đồ vật, tài sản gồm: 01 điện thoại di động; 06 tờ tiền loại mệnh giá 500.000 (năm trăm nghìn) đồng; 10 tờ tiền loại mệnh giá 200.000 (hai trăm nghìn) đồng; 02 tờ tiền loại mệnh giá 100 Nhân dân tệ.

Ngày 19/8/2020 Nông Thúy N giao nộp gồm: 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 (hai trăm nghìn) đồng; 04 tờ mệnh giá loại 100.000 (một trăm nghìn) đồng; 01 giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, phương tiện giao thông cơ giới cấp ngày 09/4/2020.

Tại Kết luận giám định số 328/KLGĐ-PC09 ngày 14/9/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: "Toàn bộ số tiền Việt Nam, tiền Trung Quốc trong 02 (hai) gói niêm phong gửi giám định đều là tiền thật".

Quá trình điều tra đã xác định được như sau: Khoảng đầu tháng 7/2020, Bế Ngọc T làm nghề "cửu vạn" (bốc vác hàng hóa) qua biên giới tại khu vực mốc 1*, thuộc xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn có quen biết với một người phụ nữ tên là T1 là chủ chuyên đi đón hàng trên mốc biên giới 1*, sử dụng số điện thoại 1837*6. Khoảng đầu tháng 8/2020, T1 đặt vấn đề thuê T đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, khi có khách "T1" sẽ báo cho T đi xem đường biên, nếu đi được T1 sẽ gọi xe Taxi đưa người đến giao cho T, T có nhiệm vụ đưa người từ xã T lên mốc biên giới 1* giao cho T1, T1 sẽ trả tiền công theo từng chuyến, đồng thời T1 cho T số điện thoại 097*0 của một người tên là Q và nói khi có khách xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, Q sẽ là người gọi điện báo, T đồng ý. Ngày 07/8/2020, Nông Thúy N làm nghề lái xe Taxi (N sử dụng các số điện thoại 0354*0; 0912*5; 0836*2, dùng tài khoản Zalo "H", dùng tài khoản Wechat "G") nhận được điện thoại của người đàn ông không quen biết có tài khoản Wechat là "Sg*v" gọi đến tài khoản Wechat của N hỏi giá xe Taxi đi từ thành phố L đến cửa khẩu T, N báo giá 300.000 đồng/chuyến, người này bảo N khi nào có khách, anh ta sẽ gọi N đưa đi, N đồng ý. Sau đó, T và N tổ chức đưa người đi xuất cảnh trái phép cụ thể các lần như sau:

Lần 1: Ngày 07/8/2020, T nhận được điện thoại của Q báo có 02 khách muốn xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Q bảo T đi đường xem có đi được thì gọi số điện thoại 0836*2 để liên lạc về việc đón khách, T đồng ý. Buổi chiều ngày 07/8/2020, người đàn ông có tài khoản Wechat "Sg*v" gọi điện cho N, bảo N đón và đưa 02 khách lên cửa khẩu T và gửi cho N số điện thoại của một khách hàng để N liên lạc đón khách và tự thu tiền xe, sau đó N gọi điện cho khách thì được biết có 02 khách đều là nữ, đang trọ tại Nhà nghỉ H, địa chỉ tại tổ *, khối *, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, N điều khiển xe ô tô kiểm sát 12A-*4 đến nhà nghỉ H đón 02 khách, khi khách đã lên xe thì N nhận điện thoại từ số 0397*1 (là điện thoại của Bế Ngọc T) hỏi phải lái xe Taxi không, N nói phải, T hỏi đã đón được khách chưa, N bảo vừa đón được, T bảo N khi nào đến cổng T thì gọi điện cho T. Khoảng 30-40 phút sau N chở 02 khách đến khu vực cổng T

và gọi điện cho T biết là đưa khách đến bãi xe T "Bãi Mới"), tại đây N cho khách xuống theo hướng dẫn của T. Trên đường đi N thu của khách 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, sau khi trả khách xong, N đi xe đến ngã tư gần chợ T ngồi uống nước để tiếp tục chờ khách. Sau khi nhận 02 khách, T dẫn 02 người phụ nữ đi theo đường mòn khoảng 200 mét, thì có một người phụ nữ không muốn đi tiếp, vì đường khó đi nên bảo T đưa quay về, T đưa người phụ nữ này quay lại bãi đất rồi gọi điện bảo N quay lại đón. Sau đó T tiếp tục đưa một người phụ nữ đi theo đường mòn đến mốc 1* giao cho T1 và được T1 trả tiền công là 600 Nhân dân tệ. Ngày hôm sau 08/8/2020, người phụ nữ được T đưa sang Trung Quốc tin nhắn cho N qua ứng dụng Zalo báo cho N biết đã sang Trung Quốc, nhờ N qua Nhà nghỉ H lấy hộ giấy chứng minh nhân dân của người này để quên, khi nào quay về Việt Nam sẽ liên lạc với N để lấy lại, đến lúc này N mới biết mà người dùng Wechat "Sg*v" gọi để N đón và đưa lên cửa khẩu T giao cho T là khách xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc.

Lần 2: Ngày 14/8/2020, người đàn ông sử dụng Wechat tài khoản "Sg*v" tiếp tục gọi cho N báo có 04 khách hàng có nhu cầu xuất cảnh báo trái phép sang Trung Quốc, N chở lên cửa khẩu T, N báo giá là 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng, người này bảo N cho số tài khoản để chuyển tiền, N cho người này số tài khoản 1903379*10 của N tại ngân hàng Techcombank chi nhánh Lạng Sơn, sau đó N nhận số tiền 500.000 (năm trăm nghìn) đồng, trong đó người đàn ông này bảo N dùng 100.000 (một trăn nghìn) đồng để mua 01 sim điện thoại đưa cho T và hẹn lúc nào có khách thì sẽ gọi xe. Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 15/8/2020, người đàn ông dùng tài khoản Wechat "Sg*v" gọi bảo N chuẩn bị đi đón khách xuất cảnh trái phép và gửi cho N 02 số điện thoại của khách, bảo N tự liên lạc đón khách. Sau đó N gọi điện đến 02 số điện thoại này thì một người nói ở ngã tư M, thành phố L, N đến ngã tư M thì thấy có 03 khách (01 nam, 02 nữ) đang đứng chờ, N đón 03 khách này xong thì liên hệ với số điện thoại còn lại, người khách này nói đang ở bến xe p, thành phố L, N tiếp tục điều khiển xe đến bến xe p đón người này. Sau khi đón được 04 người khách, N điều khiển xe đến cổng chùa T rồi gọi điện cho T thì được T hướng dẫn đưa lên bãi đất sau chùa T, khi thấy ánh đèn pin vẫy thì cho khách xuống, N thực hiện theo hướng dẫn của T và giao 04 khách cho T để T đưa ra xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Sau đó, T đưa 04 người đi theo đường mòn đến khu vực cột mốc 1* giao cho T1 và được T1 trả tiền công là 6.000.000 (sáu triệu) đồng, sau đó T1 đưa sang Trung Quốc, T ở lại cột 1* chờ đến sáng hôm sau, thì quay về nhà trọ.

Lần 3: Khoảng 17 giờ ngày 18/8/2020, khi N đang ở nhà thì người dùng tài khoản Wechat "Sg*v" gọi điện bảo N đón 06 khách có nhu cầu xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc và gửi cho N 02 số điện thoại của khách hàng N tự liên lạc để đón khách và tự thu tiền xe, 06 khách bao gồm: Lò Thị Đ, Lò Thị H, Lù Thị T, Nguyễn Thị Minh T, Lô Thị L, Vi Thị C. Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 18/8/2020, T được Q thông báo có 06 khách có nhu yêu cầu xuất cảnh sang Trung Quốc, tiền công đưa đón người là 9.000.000 (chín triệu) đồng, Q bảo T đi kiểm tra đường biên xem có đi được không, T đi kiểm tra rồi báo lại cho Q biết có thể đưa người đi xuất cảnh trái phép được. Sau đó, T gọi điện bảo N đưa

khách lên cổng chùa T giao cho T. Khoảng 18 giờ ngày 18/8/2020, khi Lò Thị Đ, Lò Thị H, Lù Thị T, Nguyễn Thị Minh T đang ở nhà nghỉ P thì người đàn ông có số thuê bao 0342*1 gọi điện cho Lò Thị Đ hỏi đã có người đón đi sang Trung Quốc chưa, Đ trả lời chưa, người này bảo Đ và mọi người cứ đợi ở đó khi nào đi sẽ có người gọi đến. Đến khoảng hơn 20 giờ cùng ngày, N sử dụng số điện thoại 0354*0 gọi cho Đ, bảo Đ và mọi người cứ chuẩn bị đồ đạc cá nhân xuống dưới nhà nghỉ P chuẩn bị đi. Đồng thời, N gọi điện bảo Lô Thị L và Vi Thị C đợi ở bên đường Quốc lộ gần khu vực Công ty B, để N đến đón. Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 18/8/2020, N đến nhà nghỉ P đón Lò Thị Đ, Lò Thị H, Lù Thị T, Nguyễn Thị Minh T, hành lý mang theo để ở cốp xe phía sau. Sau đó, N điều khiển xe đi đến gần cổng Công ty B đón thêm L và C. Sau khi đón được 06 người khách, N điều khiển xe đi đến cổng chùa T, trên đường đi N thu mỗi người 100.000 (một trăm nghìn) đồng. Khoảng 21 giờ ngày 18/8/2020, khi đưa khách đến khu vực cổng chùa T, N gọi điện thoại báo cho T biết, T bảo N đưa khách đến bãi xe T "Bãi Mới") như những lần trước, khi 06 người chuẩn bị xuống xe, thì bị lực lượng Biên phòng phát hiện, đưa về trụ sở Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn lập biên bản.

Tại bản Cáo trạng số 37/CT-VKS-P2 ngày 01/4/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Bế Ngọc T về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 348 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Nông Thúy N về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự Ngày 01/4/2021, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn ra Quyết định số 14/QĐ-VKS-P2 phân công Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử vụ án.

Tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của bản thân như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố; các bị cáo thừa nhận hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép là vi phạm pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Bế Ngọc T, Nông Thúy N phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép; áp dụng điểm a khoản 3 Điều 348, Điều 15, Điều 17 Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 57, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bế Ngọc T; áp dụng điểm b, điểm c khoản 2 Điều 348, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Thúy N; xử phạt bị cáo Bế Ngọc T mức án từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù; xử phạt bị cáo Nông Thúy N mức án từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; đề nghị tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước 03 điện thoại di động; trả lại cho bị cáo Nông Thúy N gồm: 01 chứng minh nhân dân, 03 thẻ Ngân hàng, 01 giấy phép lái xe đều mang tên Nông Thúy N; trả lại cho chị Huỳnh Thị T 01 chứng minh

nhân dân mang tên Huỳnh Thị T. Truy thu số tiền của bị cáo Bế Ngọc T 8.000.832 (tám triệu tám trăm ba mươi hai) đồng, Nông Thúy N 1.000.000 (một triệu) đồng, sung ngân sách Nhà nước. Tạm giữ số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng và 200 nhân dân tệ, thu giữ của Bế Ngọc T, tạm giữ số tiền 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng, thu giữ của Nông Thúy N để đảm bảo thi hành án.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận với vị đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi cấu thành tội phạm của các bị cáo: Ngày 07/8/2020, Nông Thúy N điều khiển xe ô tô đón đưa 02 khách đều là nữ từ thành phố L lên cửa khẩu T giao cho T, N thu tiền của khách 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. T đưa 02 người phụ nữ xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, thấy đường khó đi một người phụ nữ đã quay về, T đưa một người phụ sang Trung Quốc được tiền công là 600 Nhân dân tệ. Người phụ nữ được T đưa đi sang Trung Quốc nhắn tin nhờ N qua Nhà nghỉ H lấy hộ giấy chứng minh nhân dân của người này để quên, khi nào quay về Việt Nam sẽ liên lạc với N để lấy, thì N mới biết mà người dùng Wechat "Sg*v" gọi cho N để đón khách và đưa lên cửa khẩu T giao cho T là khách hàng xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 14/8/2020, người đàn ông sử dụng Wechat tài khoản "Sg*v" tiếp tục gọi cho N đón 04 khách đưa lên cửa khẩu T, N báo giá là 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng, người này chuyển tiền vào tài khoản của N 500.000 (năm trăm nghìn) đồng và người đàn ông này bảo N dùng 100.000 (một trăm nghìn) đồng mua 01 sim điện thoại đưa cho T và gửi cho N 02 số điện thoại của khách, N gọi điện cho khách hàng đón và đưa 04 khách từ thành phố L lên cửa khẩu T giao cho T để T đưa ra xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. T đưa 04 người đi theo đường mòn đến mốc 1* giao cho T1 và được T1 trả tiền công là 6.000.000 (sáu triệu) đồng. Khoảng 17 giờ ngày 18/8/2020, người dùng tài khoản Wechat "Sg*v" gọi điện bảo N đón 06 khách có nhu cầu xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc và gửi cho N 02 số điện thoại của khách để N tự liên lạc đón và tự thu tiền xe, 06 khách bao gồm: Lò Thị Đ, Lò Thị H, Lù Thị T, Nguyễn Thị Minh T, Lô Thị L, Vi Thị C. Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 18/8/2020, T được Q thông báo có 06 khách có nhu yêu cầu xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, tiền công đưa đón người là 9.000.000 (chín triệu) đồng, T đi kiểm tra đường và báo lại cho Q biết có thể

đưa người đi xuất cảnh trái phép được, T gọi điện bảo N đưa khách lên cổng chùa T giao cho T. Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 18/8/2020, N đến nhà nghỉ P đón Lò Thị Đ, Lò Thị H, Lù Thị T, Nguyễn Thị Minh T và đến gần cổng Công ty B, thành phố L đón L và C. Sau đó N điều khiển xe đưa 06 người đến cổng chùa T, trên đường đi N thu mỗi người 100.000 (một trăm nghin) đồng, đến khoảng 21 giờ cùng ngày N đưa 06 khách đến khu vực cổng chùa T, N gọi điện thoại báo cho T biết, T bảo N đưa khách đến bãi xe T "Bãi Mới") như những lần trước, khi 06 người khách chuẩn bị xuống xe, thì bị lực lượng Bộ đội Biên phòng phát hiện, đưa về trụ sở Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn lập biên bản. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo đã khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản sự việc, lời khai của người làm chứng, người chứng kiến...; phù hợp với vật chứng đã thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo đã có hành vi sắp xếp, bố trí, bị cáo Bế Ngọc T đưa 03 (lần) với 12 (mười hai) lượt người, bị cáo Nông Thúy N đưa 02 lần với 10 (mười) lượt người giao cho T đưa người từ Việt Nam ra nước ngoài mà không được sự cho phép, chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, với mục đích vụ lợi. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Bế Ngọc T đã phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 348 của Bộ luật Hình sự, bị cáo Nông Thúy N đã phạm tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội thấy rằng: Hành vi mà các bị cáo thực hiện là rất nghiêm trọng, gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý xuất, nhập cảnh của Nhà nước và gây mất ổn định xã hội tại địa phương nhất là khu vực biên giới. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng vì hám lợi nên các bị cáo đã cố ý thực hiện.

[4] Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn do các bị cáo cùng cố ý thực hiện một tội phạm. Bị cáo Bế Ngọc T là người trực tiếp đưa 03 lần với 12 lượt người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Tuy nhiên, lần thứ 03 bị cáo Bế Ngọc T đã tiếp nhận ý trí, thỏa thuận tiền công là 9.000.000 (chín triệu) đồng, việc bị cáo đón đưa 06 người xuất cảnh trái phép sang Trung, không thực hiện được là do lực lượng chức năng phát hiện và ngăn chặn, bị cáo phạm tội chưa đạt việc này là nằm ngoài ý muốn của bị cáo. Bị cáo Nông Thúy N đón đưa 02 lần với 10 lượt người giao cho Bế Ngọc T đưa đi xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Vì vậy, cần xử lý nghiêm áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, mới đủ điều kiện giáo dục các bị cáo và phòng ngừa giáo dục chung. Tuy vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét đánh giá về nhân thân các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo.

[5] Về nhân thân: Các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự; chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc xử lý kỷ luật.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Bế Ngọc T đến Đồn Biên phòng T đầu thú, nên được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Bế Ngọc T phạm tội nhiều lần, là tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nông Thúy N, ngoài tình tiết tăng nặng định khung, bị cáo không có tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào kết quả xác minh có trong hồ sơ cho thấy bị cáo Bế Ngọc T gia đình thuộc hộ nghèo, các bị cáo đều không có tài sản riêng gì. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Đối với người sử dụng tài khoản Wechat "Sg*v" gọi điện và chuyển tiền cho Nông Thúy N, người sử dụng số điện thoại 1837*6, người tên là T1 và người tên là Q thuê bị cáo Bế Ngọc T đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, các bị cáo không biết tên tuổi địa chỉ, chưa gặp trực tiếp. Do không có thông tin cụ thể, nên cơ quan An ninh điều tra không tiến hành xác minh làm rõ được.

[10] Đối với Lò Thị T, Lò Thị Đ, Nguyễn Minh T, Lù Thị T, Vi Thị C, là những người Việt Nam đang chuẩn bị xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc để làm thuê, chưa thực hiện được, nên cơ quan An ninh điều tra không xử lý.

[11] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 xe ô tô biển kiểm soát 12A-1*4, nhãn hiệu HUYDAI; 01 bản sao giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Nông Tiến Đ; 01 giấy biên nhận giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông của Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng, Chi nhánh Lạng Sơn; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô, mang tên Nông Tiến Đ; 01 giấy kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Trung tâm đăng kiểm cấp ngày 09/4/2020. Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại cho anh Nông Tiến Đ, theo biên bản trả lại tài ngày 11/3/2021, nên không xem xét giải quyết nữa; đối với 01 điện thoại nhãn hiệu NOKIA màu xanh và 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone, màu đen - sám, màn hình bị vỡ, thu giữ của Nông Thúy N; 01 điện thoại NOKIA màu đen thu giữ của Bế Ngọc T, các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội, nên tịch thu hóa giá nộp Ngân sách Nhà nước; đối với 01 giấy phép lái xe hạng B2 và 02 thẻ Ngân hàng Techcombank, 01 thẻ Ngân hàng Agribank, đều mang tên Nông Thúy N là giấy tờ tùy thân, nên trả cho bị cáo Nông Thúy N; đối với 01 chứng minh nhân dân mang tên Huỳnh Thị T, cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, hiện Huỳnh Thị T không có mặt tại địa phương, xét thấy chứng minh nhân dân là giấy tờ tùy thân, nên trả lại cho chị Huỳnh Thị T; đối với 06 tờ tiền loại mệnh giá 500.000 (năm trăm nghìn) đồng; 10 tờ tiền loại mệnh giá (hai trăm nghìn) đồng; 02 tờ tiền loại mệnh giá 100 Nhân dân tệ, tạm giữ của Bế Ngọc T, niêm phong trong 01 phong bì, mặt trước có chữ "ĐỒN

BIÊN PHÒNG T", đối với 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, 04 tờ tiền mệnh giá 100.000 (một trăm nghìn) đồng, tạm giữ của Nông Thúy N, niêm phong trong 01 phong bì, mặt trước có chữ "ĐỒN BIÊN PHÒNG T", là tiền các bị cáo thu lợi bất chính, tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

[12] Đối với số tiền công bị cáo Bế Ngọc T được hưởng là 600 Nhân dân tệ và 6.000.000 (sáu triệu) đồng, là tiền thu lợi bất chính. Bị cáo Bế Ngọc T đã bị tạm giữ 200 Nhân dân tệ và 5.000.000 (năm triệu) đồng. Căn cứ Điều 46 của Bộ luật Hình sự, còn phải truy thu của bị cáo Bế Ngọc T 1.000.000 (một triệu) đồng và 400 Nhân dân tệ, theo công văn số 145/LAS-TH,NS&KSNB ngày 05/02/2021 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Lạng Sơn cung cấp ngày 07, 08/8/2020 tỷ giá quy đổi 1 CNY = 3.334,72VNĐ. Như vậy, 400 Nhân dân tệ x 334.72VNĐ = 1.338.880 (một triệu ba trăm ba mươi tám nghìn tám trăm tám mươi) đồng, truy thu của bị cáo Bế Ngọc T với tổng số tiền là 2.338.000 (hai triệu ba trăm ba mươi tám nghìn) đồng. Truy thu của bị cáo Nông Thúy N 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng, để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[13] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn về tội danh, mức hình phạt và xử lý vật chứng, truy thu số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Các bị cáo bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[15] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ theo quy định tại các Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 348; Điều 15, Điều 17; Điều 38; Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47; Điều 50; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 57, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bế Ngọc T.

Căn cứ vào điểm b, điểm c khoản 2 Điều 348; Điều 17; Điều 38; Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Thúy N.

Căn cứ vào điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Bế Ngọc T, Nông Thúy N phạm tội: Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Bế Ngọc T 07 (bẩy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 19/8/2020.

Xử phạt bị cáo Nông Thúy N 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 22/8/2020.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu hóa giá, nộp ngân sách Nhà nước gồm: 01 (một điện thoại nhãn hiệu Iphone màu đen - xám, màn hình bị vỡ, đã qua sử dụng, số IMEI có bốn số cuối là 1*6, bên trong lắp 01 (một) sim Vinaphone số thuê bao 0836.*2; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh, số thuê bao 0359.*0, số IMEI có bốn số cuối là 8*3 của bị cáo Nông Thúy N; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, số IMEI 1 có bốn số cuối là 1*6, số IMEI 2 có bốn số cuối là 1*5, bên trong có 02 (hai) sim (01 (một) sim Vietel, 01 (một) sim WO của bị cáo Bế Ngọc T.

Trả lại cho bị cáo Nông Thúy N gồm: 01 (một) giấy phép lái xe hạng B2; 01 (một) chứng minh nhân dân; 01 (một) thẻ Ngân hàng Techcombank màu vàng; 01 (một) thẻ Ngân hàng Techcombank màu xám; 01 (một) thẻ Ngân hàng Agribank, đều mang tên Nông Thúy N.

Trả lại cho chị Huỳnh Thị T: 01 (một) chứng minh nhân dân mang tên Huỳnh Thị T.

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: 5.000.000 (năm triệu) đồng gồm 06 (sáu) tờ tiền loại mệnh giá 500.000 (năm trăm nghìn) đồng; 10 (mười) tờ tiền loại mệnh giá 200.000 (hai trăm nghìn) đồng và 200 Nhân dân tệ gồm 02 (hai) tờ tiền loại mệnh giá 100 Nhân dân tệ, thu giữ của Bế Ngọc T, được niêm phong trong một phong bì, mặt trước có dòng chữ "ĐỒN BIÊN PHÒNG T", mặt sau có chữ ký cùng tên Bế Ngọc T, Lý Văn G, Hoàng Văn T, Dương Văn B và hình dấu giáp lai của Đồn Biên phòng T; 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng gồm 01 (một) tờ mệnh 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, 04 (bốn) tờ mệnh giá 100.000 (một trăm nghìn) đồng, thu giữ của Nông Thúy N, được niêm phong trong một phong bì, mặt trước có dòng chữ "ĐỒN BIÊN PHÒNG T", mặt sau có chữ ký cùng tên Nông Thúy N, Lý Văn G, Hoàng Văn T, Dương Văn B và hình dấu giáp lai của Đồn Biên phòng T;

(Các vật chứng trên đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 05/4/2021).

Truy thu của bị cáo Bế Ngọc T 2.338.000 (hai triệu ba trăm ba mươi tám nghìn) đồng, truy thu của bị cáo Nông Thúy N 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng, nộp vào ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Bế Ngọc T, Nông Thúy N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ, trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Triệu Thị Máy

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Lãng;
- CQ An ninh điều tra Công an t. Lạng Sơn;
- Nhà tạm giữ Công an h, Văn Lãng;
- Các bị cáo;
- Người có QL, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Chi cục THADS h. Văn Lãng, t. Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu VP- hồ sơ vụ án.